

Bản án số: 322/2019/DS-PT

Ngày: 25/10/2019

V/v: *Yêu cầu bồi thường thiệt hại*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thiện.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Liên Anh;
Bà Đặng Mạnh Cẩm Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Trịnh Thu Tân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/TLPT-DS ngày 05/9/2019 về việc: “Yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2019/DSST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân quận H.Đ, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 282/2019/QĐ-PT ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty V. Địa chỉ: Số 211, phố G.N, phường T.Đ, quận T.X, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Bà N. T.T - Tổng Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông V. X. H - Phó Tổng Giám đốc. Có mặt ông H.

2. Bị đơn: Chị V.T.V, sinh năm 1974. HKTT: 13 T, phường Y.K, quận H.Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Công ty V - nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Công ty V trình bày: Công ty V là Doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh ngành nghề cho thuê xe tự lái.

Ngày 17/1/2015, Công ty V ký Hợp đồng thuê xe ô tô tự lái số 10/HĐTX với chị V.T.V có HKTT tại 13 T, phường Y.K, quận H.Đ, Hà Đông. Nội dung các bên thỏa thuận: Công ty cho chị V thuê xe ô tô BKS 29A583.70; số máy A55400ZY, số khung RN2DE5YA4BC000319, nhãn hiệu xe MAZDA, đăng ký xe mang tên

Đ.M.T. Thực tế xe ô tô này Công ty nhận chuyển nhượng của ông T nhưng chưa làm thủ tục đổi đăng ký sang tên. Thời điểm bàn giao xe thì phần máy móc và các trang thiết bị xe còn mới 95%; xe vận hành tốt thể hiện trong biên bản giao xe. Ngay sau khi nhận xe, chị V đánh xe ô tô ra đường và đã đâm xe vào tường Đình G.N đối diện với Văn phòng của Công ty khiến cho xe ô tô bị thiệt hại nghiêm trọng. Thời điểm đó, chị V có dấu hiệu hoảng loạn đã nhờ Công ty xử lý và đưa xe đi sửa chữa; còn chị V đi cùng cán bộ Công ty đến xưởng sửa chữa ô tô của hãng ô tô MAZDA tại M.Đ. Tại đó chị V còn đàm phán về giá chi phí sửa chữa khắc phục hỏng hóc ô tô và cam kết bồi thường toàn bộ thiệt hại. Nhưng sau đó chị V đã không đến Công ty để hoàn tiền sửa chữa xe ô tô và bồi thường thiệt hại. Công ty đã gửi thông báo và đến tại nơi có HKTT của chị V nhưng không gặp.

Nay Công ty yêu cầu chị V phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty gồm có:

Chi phí sửa chữa xe ô tô: 33.033.700đ.

Chi phí hao mòn, mất giá trị xe sau tai nạn: 33.000.000đ.

Mất thu nhập 20 ngày sửa chữa xe: 14.000.000đ (20 x 700.000đ).

Chi phí xe cứu hộ và xe ô tô Công ty trong thời gian sửa chữa xe: 5.000.000đ.

Chi phí làm đơn khởi kiện và các đơn đòi quyền lợi 10.500.000đ (1.500.000/01 đơn x 07 đơn).

Chi phí xe ô tô và lương cán bộ đi làm việc tại Tòa án là 500.000đ/ ngày lương của Phó Tổng Giám đốc 350.000đ/buổi xe x 4= 3.400.000đ.

Tổng cộng = 93.933.700đ.

Bị đơn chị V.T.V: Chị V đã đi khỏi nơi cư trú, không khai báo địa chỉ mới nên Tòa án không báo gọi được để lấy lời khai và yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DSST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân quận H.Đ đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V đối với chị V.T.V về yêu cầu Bồi thường chi phí sửa chữa, chi phí hao mòn, mất giá trị của xe ô tô, mất thu nhập từ việc cho thuê xe ô tô biển Kiểm soát 29A-583.70 và các chi phí đi lại sửa chữa xe; chi phí khởi kiện tổng cộng là 93.933.700đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/7/2019, Công ty V nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.
- Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:
- + Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực

hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

+ Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện VKSND thành phố Hà Nội đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Công ty V. Giữ nguyên án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, yêu cầu của các bên đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[I]. Đơn kháng cáo của Công ty V nộp trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nên được chấp nhận xem xét.

[II]. Xét nội dung đơn kháng cáo của Công ty V cho thấy:

[1]. Ngày 17/1/2015, Công ty V (bên A) và chị V.T.V (bên B) cùng ký Hợp đồng thuê xe ô tô tự lái (BL 67). Nội dung các bên thỏa thuận trong hợp đồng như sau:

Bên A (Công ty V) giao cho bên B (chị Vân) một xe ô tô bao gồm đầy đủ trang thiết bị và tiện nghi theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất; số máy A 55400ZY; Số khung RN2DE5Y A4BC 000319; Nhãn hiệu xe MAZDA. Loại xe ô tô con; Mùa sơn Bạc; năm sản xuất 2012; tải trọng 05 người. BKS 29A- 583.70 + đăng ký xe ô tô số 075658 tên chủ xe: Đ.M.T cấp ngày 10/8/2012. Trong hợp đồng có thỏa thuận về thời gian thuê, phương thức thanh toán, tuyến đường; quyền và trách nhiệm của các bên; những khoản cấm vi phạm; Cam kết chung... Thời gian thuê: 20 ngày 20 đêm. Hiệu lực kể từ ngày 17/1/2015. Các trang của hợp đồng đều có chữ ký của chị V.T.V. Kèm theo hợp đồng là Giấy chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu (đều là bản sao có công chứng) của chị V.T.V.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty đã lập Biên bản bàn giao xe phần máy móc và các trang thiết bị xe ô tô BKS 29A- 583.70 cho chị V. Thời gian giao xe: “13 giờ 00 phút ngày 17/01/2015”. Có chữ ký của bên giao xe và bên nhận xe (BL 64).

Như vậy, có căn cứ để xác định chị V đã ký Hợp đồng thuê xe tự lái và ký nhận xe ô tô với Công ty V.

Thời gian các bên ký kết hợp đồng năm 2015, nay có tranh chấp cần áp dụng các quy định của pháp luật năm 2015 thuộc chương Hợp đồng và cụ thể là Hợp đồng thuê tài sản.

[2]. Công ty V khai: Sau khi chị V nhận xe ô tô đã gây tai nạn và phải sửa chữa xe. Số tiền sửa chữa xe ô tô do Công ty đã ứng hộ chị V để thanh toán. Nhưng sau đó chị V đã không đến Công ty để hoàn lại số tiền và thanh lý hợp đồng thuê xe. Chị V cũng đã chuyển nơi ở nên Công ty không thể gặp được chị V.

Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu chứng cứ do Công ty V nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện thì thấy:

Chúng cứ là *Lệnh sửa chữa* (lần :0) do Xưởng sửa chữa, bảo dưỡng và bảo hành khu X3-Bến đỗ xe M.Đ 1 M. T, T. L, Hà Nội - Công ty Cổ phần A VIỆT NAM xuất lệnh sửa chữa số S 1500724 có nội dung: Lái xe: V.T.V; Ngày vào xưởng 17/01/2015; giờ vào xưởng 08:08 Bắt đầu sửa. Yêu cầu của khách hàng: Sửa chữa xe tai nạn. Thời gian giao xe 16:00 Giao xe ngày 30/01/2015. Tổng cộng tiền vật tư phụ tùng 33.033.700đ. Kèm theo Lệnh sửa chữa là hóa đơn giá trị gia tăng ghi tổng tiền thanh toán 33.033.700đ; và 01 Phiếu thu số phiếu PT 15010514 ngày 30/01/2015 của Xưởng sửa chữa, bảo dưỡng và bảo hành có nội dung Người nộp V. X. H; số tiền 33.033.700đ.

Tại cấp phúc thẩm, Công ty V nộp bổ sung tài liệu chứng cứ là Lệnh sửa chữa (Lần: Đính chính lần 1) của Công ty Cổ phần A VIỆT NAM. Nội dung đính chính: “*Ngày vào xưởng 17/01/2015 Giờ vào xưởng 17:00 Bắt đầu sửa 08:08-18/01/2015*”. Công ty V lý giải về việc xưởng sửa chữa đã ghi nhầm thời gian xe ô tô vào xưởng sửa chữa, nhưng vẫn ghi rõ tên Lái xe: V.T.V; vì hôm đó chị V đi cùng Công ty vào xưởng sửa chữa xe và chị V kê khai tại xưởng sửa chữa.

Đánh giá tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình, HĐXX cấp phúc thẩm xác định trên cơ sở Lái xe khai báo về tình trạng xe bị hỏng nên thể hiện trong Lệnh sửa chữa xe ô tô, lái xe là V.T.V. Về việc ghi nhầm thời gian sửa chữa xe không làm thay đổi nội dung chị V kê khai là lái xe đưa xe vào xưởng sửa chữa. Hơn nữa, nếu xe ô tô đang trong xưởng sửa chữa xe thì chị V không thể ký kết hợp đồng thuê xe và không thể ký biên bản bàn giao nhận xe ô tô với Công ty V. Nên có căn cứ để xác định chị V.T.V nhận bàn giao xe ô tô tự lái và gây tai nạn làm hỏng xe ô tô; theo quy định tại khoản 1 Điều 604 BLDS 2005 thì chị V.T.V đã vô ý xâm phạm tài sản của pháp nhân thì chị V phải bồi thường theo quy định pháp luật. Và trong trường hợp này chị V phải bồi thường do gây tai nạn làm ô tô bị hư hỏng theo khoản 2 Điều 608 BLDS 2005.

[3]. Xét về yêu cầu bồi thường thiệt hại của Công ty V cho thấy:

- Về chi phí sửa chữa xe ô tô: Theo Lệnh sửa chữa xe và Hóa đơn giá trị gia tăng thì chi phí hết 33.033.700đ mà Công ty V đã thanh toán cho Công ty Cổ phần A VIỆT NAM là có căn cứ. Theo Điều 477 BLDS năm 2015 buộc chị V phải thanh toán trả số tiền này cho Công ty V.

- Về chi phí mất thu nhập từ nguồn cho thuê xe: Theo hợp đồng các bên đã ký kết thì thời gian chị V thuê xe là 20 ngày 20 đêm, giá thuê 700.000đ = 14.000.000đ. Số tiền này Công ty V yêu cầu chị V thanh toán là có căn cứ. Theo Điều 481 BLDS năm 2015 buộc chị V phải thanh toán số tiền 14.000.000đ cho Công ty V.

- Về chi phí thuê phương tiện cứu hộ xe ô tô bị tai nạn 5.000.000đ buộc chị V phải thanh toán là có căn cứ theo Điều 477 BLDS năm 2015.

- Các chi phí về hao mòn, mất giá trị của xe sau tai nạn, sửa chữa theo hợp đồng là 33.000.000đ. Chi phí này đã nằm trong chi phí sửa chữa xe tại xưởng sửa chữa nên không được chấp nhận.

- Chi phí làm đơn khởi kiện và các đơn đòi quyền lợi là 10.500.000đ; chi phí xe ô tô, lương cán bộ đi làm việc tại Tòa án 3.400.000đ. Nguyên đơn yêu cầu chị V phải thanh toán, tuy nhiên tài liệu chứng cứ không phù hợp pháp luật nên không được chấp nhận.

Như vậy, số tiền buộc chị V phải thanh toán trả cho Công ty V là: $33.033.700đ + 14.000.000đ + 5.000.000đ = 52.033.700đ$; chị V đã ứng trước cho Công ty V khi ký kết Hợp đồng thuê xe là 5.000.000đ; số tiền này được đối trừ với số tiền chị V phải thanh toán, nên chị V còn phải trả Công ty là $(52.033.700đ - 5.000.000đ) = 47.033.700đ$. Và như vậy, theo Điều 423, 426 BLDS năm 2015 cần hủy hợp đồng cho thuê xe ô tô do chị V vi phạm hợp đồng và phải bồi thường.

Tòa án sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ là Lệnh sửa chữa xe và cho rằng: Chị V nhận bàn giao xe ô tô “13 giờ 00 phút ngày 17/01/2015; km đi 39872”; tuy nhiên, tại Lệnh sửa chữa xe lại có nội dung “Xe 29A-583.70, số km 34311, số km cũ 34311; ngày vào xưởng 17/1/2015, giờ vào xưởng 08:08; thời gian giao xe 16:00, giao xe ngày 30/1/2015”. Như vậy, xe ô tô được đưa vào xưởng sửa chữa trước thời điểm ký kết hợp đồng thuê xe, bàn giao xe giữa Công ty V và chị V.T.V. Vì vậy, Tòa án sơ thẩm đã tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V là chưa đánh giá toàn diện triệt để các chứng cứ có trong hồ sơ. Cần sửa án sơ thẩm và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại của Công ty V là có căn cứ.

[4]. Về án phí DSST: Chị V phải chịu án phí đối với số tiền phải bồi thường cho Công ty V. Án phí được tính như sau: $52.033.700đ \times 5\% = 2.600.000đ$.

Công ty V phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Án phí được tính như sau: $(93.933.700đ - 52.033.700đ) \times 5\% = 2.095.000đ$; được đối trừ số tiền tạm ứng đã nộp là 2.125.000đ; Được hoàn lại: 30.000đ.

Về án phí DSPT: Do sửa án sơ thẩm, nên bên kháng cáo là Công ty V không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Công ty V.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS năm 2015: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DSST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân quận H.Đ, Hà Nội.

Căn cứ: Điều 423, 426, 477, 481 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty V đối với chị

V.T.V về việc “ Bồi thường thiệt hại do gây tai nạn làm hư hỏng xe ô tô thuê tự lái”.

Hủy Hợp đồng thuê xe ô tô tự lái giữa Công ty V và chị V.T.V đã ký kết ngày 17/01/2015. Buộc chị V.T.V có trách nhiệm hoàn tiền sửa chữa xe ô tô và bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng; Tổng cộng = 52.033.700đ và được đối trừ số tiền 5.000.000đ chị V đã tạm ứng ngay sau khi ký kết hợp đồng thuê xe ô tô. Chị V còn phải thanh toán trả cho Công ty V (sau khi đã đối trừ) là 47.033.700đ (Bốn mươi bảy triệu, ba mươi ba nghìn, bảy trăm đồng).

2. Về án phí:

- Án phí DSST: Chị V.T.V phải chịu án phí DSST là 2.600.000đ.

Công ty V phải chịu án phí DSST là 2.095.000đ và được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 2.125.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2015/0002107 ngày 6/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H.Đ, thành phố Hà Nội; Được hoàn lại 30.000đ.

- Án phí DSPT: Hoàn trả Công ty V tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007996 ngày 24/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H.Đ, thành phố Hà Nội.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân Q. H.Đ;
- Chi cục THADS Q. H. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thu Thiện

